

Số: 19 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 06/VB-BD ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 261/TTr-CCBVMT ngày 02 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương, địa chỉ trụ sở chính tại thửa đất 566, tờ bản đồ 12, đường ĐT 747, tổ 4, khu phố Ba Đình, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 (Dự án đầu tư khai thác mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 mở rộng, công suất 120.000m³ nguyên khối/năm tại phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 (Dự án đầu tư khai thác mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 mở rộng, công suất 120.000m³ nguyên khối/năm tại phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3700546632 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

1.4. Theo Giấy phép khai thác số 104/GP-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn khai thác 13,5 năm, kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2018.

1.5. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1099/QĐ-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.6. Mã số thuế: 3700546632.

1.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản (*mỏ sét gạch ngói*).

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.8.1. Phạm vi:

- Diện tích khu mỏ theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1099/QĐ-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là 198.200 m² trong đó:

+ Khai trường: 198.200 m²;

+ Các công trình phụ trợ bao gồm văn phòng mỏ, nhà nghỉ công nhân viên, nhà chứa chất thải nguy hại, nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt,... (*trong diện tích khai trường*): 550 m²;

+ Bãi thải (*trong diện tích khai trường*): 84.112 m².

- Diện tích đất của Mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường là 187.795,5 m²:

+ Khai trường: 187.795,5 m².

+ Các công trình phụ trợ bao gồm văn phòng mỏ, nhà nghỉ công nhân viên, nhà chứa chất thải nguy hại, nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt, trạm cân,...(*nằm trong diện tích khai trường*): 550 m²;

+ Bãi thải (*nằm trong diện tích khai trường*): 20.149 m².

1.8.2. Công suất khai thác 120.000 m³ sét nguyên khối/năm.

1.8.3. Quy mô:

- Mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.



- Mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **08 năm 11 ngày.**

(Từ ngày. **06** tháng **01** năm 2024 đến ngày 18 tháng 4 năm 2032, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 104/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản đề nghị số 06/VB-BD ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương).

Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1065/GXN-STNMT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Giấy phép xả nước

thải vào nguồn nước số 62/GP-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 ((Dự án đầu tư khai thác mỏ sét gạch ngói Vĩnh Tân 2 mở rộng, công suất 120.000m³ nguyên khối/năm tại phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty CP Xây dựng Bình Dương;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- Phòng TNN-KS;
- Thanh tra Sở;
- UBND phường Vĩnh Tân;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyet5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác; nước mưa chảy tràn tại khu vực diện tích mỏ (phần chưa khai thác), khu vực đã hoàn thổ (gồm phần diện tích mỏ Vĩnh Tân 1 và một phần diện tích moong Vĩnh Tân 2), khu vực văn phòng, nước rửa xe tại khu vực trạm cân với lưu lượng khoảng 280 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Đồi (phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Đồi tại phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X = 1228994; Y = 606765.

- Điểm xả nước thải ra suối Đồi có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 280 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác; nước mưa chảy tràn tại khu vực diện tích mỏ (phần chưa khai thác), khu vực đã hoàn thổ (gồm phần diện tích mỏ Vĩnh Tân 1 và một phần diện tích moong Vĩnh Tân 2), khu vực nhà văn phòng, nước rửa xe tại khu vực trạm cân sau xử lý theo đường ống nhựa PVC (đường kính 220mm, dài 50m) nằm phía Đông khu mỏ dẫn ra Suối Đồi.

- Hình thức xả: bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn, phụ thuộc vào lưu lượng nước phát sinh trong mỏ và thời điểm mùa mưa, mùa nắng.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN

40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	280	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động
2	pH	-	6 - 9		
3	BOD ₅	mg/l	29,7		
4	COD	mg/l	74,25		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
6	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96		
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
9	Sắt	mg/l	0,99		
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác chảy vào hồ thu nước đặt dưới đáy moong được bơm (02 máy bơm, mỗi máy bơm có công suất 275 Hp tương đương 550 m³/giờ hoạt động luân phiên) lên hồ lắng phía Đông khu mỏ bằng đường ống thép đường kính 250mm, dài 200m; nước mưa chảy tràn tại khu vực diện tích mỏ (phần chưa khai thác), khu vực đã hoàn thổ (gồm phần diện tích mỏ Vĩnh Tân 1 và một phần diện tích moong Vĩnh Tân 2), khu vực văn phòng, nước rửa xe tại khu vực trạm cân theo rãnh thoát nước dọc tuyến đê bao phía Nam, Tây và Bắc khu mỏ chảy về hồ lắng phía Bắc.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng mỏ của công nhân viên được thu gom, xử lý qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích chứa 3 m³), sau đó được dẫn qua bể chứa nước thải (dung tích chứa 12 m³, có chống thấm), định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý số 01 (nguồn số 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác → Hồ thu → Bơm (02 máy bơm, mỗi máy bơm có công suất $550 \text{ m}^3/\text{giờ}$ hoạt động luân phiên) → Hồ lắng (xử lý cùng nước mưa chảy tràn tại khu vực chưa khai thác, khu vực đã hoàn thổ (gồm moong Vĩnh Tân 1 và một phần khu vực moong khai thác mỏ Vĩnh Tân 2), khu vực văn phòng, nước rửa xe tại khu vực trạm cân) → Nguồn tiếp nhận (suối Đồi).

- Công suất thiết kế:

+ Hồ thu: Dung tích chứa 2.000 m^3 (kích thước: $50\text{m} \times 40\text{m} \times 1\text{m}$)

+ Hồ lắng: Dung tích chứa 600 m^3 (kích thước: $20\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$).

+ Máy bơm nước: 02 máy (1 máy dự phòng, công suất 250 Hp tương đương $550 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{máy}$).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Công trình xử lý số 02 (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn có chống thấm → Bể chứa (chống thấm, dung tích 12 m^3), định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại 03 ngăn (chống thấm): dung tích chứa 3 m^3 (kích thước: $3\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$).

+ Bể chứa (chống thấm): dung tích 12 m^3 (kích thước: $3\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị đối với các máy bơm thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời, tránh trường hợp xảy ra sự cố, ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (hồ lắng) xảy ra sự cố (nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn thải ra môi trường hoặc vỡ hồ lắng): ngưng ngay việc bơm nước từ hồ thu trong moong khai thác về hồ lắng để khắc phục sự cố; trong trường hợp vỡ hồ lắng Công ty phải ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để đắp lại hồ lắng để nước không thoát ra môi trường đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các máy bơm, đường ống thu gom, hồ lắng và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét phòng ngừa tắc nghẽn hệ thống thoát nước vào ngày mưa.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường *(hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý)*.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, máy móc, thiết bị,... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

h

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:****1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

- Tưới nước để giảm thiểu bụi tại khu vực đường vận chuyển nội mỏ và đường từ mỏ ra nhà máy gạch Tuynel có chiều dài khoảng 3km (tần suất tưới 10 chuyến/ngày vào mùa khô và 04 chuyến/ngày vào mùa mưa); xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi khu vực mỏ.

- Trồng cây xanh (khoảng 5.939 cây keo, cây keo lá tràm) quanh moong khai thác, bãi thải để giảm phát tán bụi. Cụ thể:

+ Xung quanh moong khai thác trồng với chiều dài 1100m: trồng 02 hàng cây với mật độ 3m/cây (xen kẽ). Số lượng cây đã trồng: 2.595 cây.

+ Trồng cây trên toàn bộ diện tích bãi thải Vĩnh Tân 2 đã hoàn thổ với diện tích 20.149m²: trồng mật độ 1660 cây/ha. Số lượng cây đã trồng: 3.344 cây.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị phun nước hư hỏng.

- Trường hợp công trình, hệ thống phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ ngưng hoạt động, báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục. Sau khi khắc phục xong sẽ hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường không khí từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn phát sinh tại khu vực moong khai thác của mỏ sét từ hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới và xe tải vận chuyển sét gạch ngói từ khai trường đi đến nhà máy gạch Tuynel và nơi tiêu thụ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đều là nguồn phát tán hoặc di động. Vị trí phát sinh: khu vực mỏ sét Vĩnh Tân 2 thuộc phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại mỏ đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

VI
N
G
ON

4

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	NH	Rắn	1
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	NH	Rắn	1
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	NH	Lỏng	22
4	Pin, ắc quy thải	19 06 05	NH	Rắn	7
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	15
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng, can chứa dầu nhớt thải)	18 01 02	KS	Rắn	66
TỔNG KHỐI LƯỢNG					112

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

Tổng khối lượng đất thải (đất phủ) là 994.287 m³ (nguyên khối) trong đó 875.263 m³ đã được sử dụng để đắp đê bao, hoàn thổ khu vực mỏ Vĩnh Tân 1 và phần diện tích phía Bắc mỏ Vĩnh Tân 2; còn lại 119.024 m³ đất thải hiện chưa bóc tầng phủ.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, ...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, ...) với khối lượng khoảng 360 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: 06 thùng chứa bằng nhựa HPDE 240 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tôn bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biện cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thiết bị lưu chứa: không có.

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 bãi thải với diện tích 20.149 m² ở phía Đông Bắc mỏ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa chất thải: 03 thùng nhựa HDPE 240 lít, có nắp đậy.

- Vị trí tập kết thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt: bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trong khuôn viên khu vực văn phòng, đặt gần kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-

CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính**

- Cải tạo phục hồi môi trường khu vực moong khai thác: cải tạo thành hồ chứa nước; cải tạo bờ moong giạt cấp đảm bảo an toàn – kỹ thuật; đắp đê xung quanh moong khai thác; trồng cây xung quanh khu vực bờ moong; lắp đặt hàng rào, biển báo; san gạt mặt bằng đáy moong khai thác; cải tạo bãi thải và trồng cây lên toàn bộ diện tích bãi thải.

- Cải tạo khu vực xung quanh khai trường: đắp đê xung quanh moong khai thác; lắp đặt cống thoát nước cho khu vực tích nước nằm phía Đông Nam của khu mỏ; san lấp hồ lắng nước.

- Công tác cải tạo, phục hồi môi trường khác: quan trắc môi trường trong quá trình cải tạo; duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển từ khu mỏ về khu vực nhà máy gạch.

2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và số tiền ký quỹ

- Bảng tiến độ và chi phí xây dựng cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tên công trình	Khối lượng	Thời gian thực hiện
A	Các công trình đã thực hiện		
1	Đã thực hiện đắp đê bao phía Tây, phía Nam và một phần bờ phía Đông Nam.	1100m	Đã hoàn thành
2	Đã lắp dựng biển báo nguy hiểm, xung quanh moong khai thác Vĩnh Tân 2 (bao gồm cả xung quanh moong hoàn thổ Vĩnh Tân 1).	10 biển báo	Đã hoàn thành
3	Trồng cây keo lá tràm xung quanh moong khai thác	2.595 cây	Đã hoàn thành
4	Thường xuyên thực hiện duy tu tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đến ĐH 409	500m	Đã hoàn thành
5	Cải tạo moong khai thác	480,48 m ³	Đã hoàn thành
6	Cải tạo bãi thải mỏ Vĩnh Tân 2:		



-	San gạt lên toàn bộ diện tích bãi thải	6.045 m ³	Đã hoàn thành
-	Trồng cây keo lá tràm lên toàn bộ diện tích bãi thải	3.344 cây	Đã hoàn thành
7	Trồng cỏ mái taluy	6.706 m ²	Đã hoàn thành
8	Cải tạo hồ lắng nước	1.605 m ³	Đã hoàn thành
B	Các công trình tiếp tục thực hiện		
I	GIAI ĐOẠN 1		
1	Trồng cây và chăm sóc cây keo lá tràm lần đầu xung quanh moong khai thác	2.090 cây	Đến năm 2024
2	Đắp đê bao quanh moong khai thác	2.096 m ³	Đến năm 2024
4	Lắp hàng rào xung quanh moong khai thác	1.820m	Đến năm 2024
5	Lắp đặt biển báo quanh khu vực mỏ	05 cái	Đến năm 2024
II	GIAI ĐOẠN 2		
1	Củng cố bờ moong trong đất phủ và tầng sét	2.453,9 m ³	Thực hiện trong suốt quá trình khai thác
2	Cải tạo diện tích bãi thải mỏ		
-	San gạt bề mặt sau hoàn thổ	19.824 m ³	Ngay sau khi kết thúc hoàn thổ
-	Trồng cây lên toàn bộ diện tích hoàn thổ còn lại của mỏ VT2 và VT2 mở rộng (trồng lần đầu)	12.065 cây	
3	Công tác nạo vét mương thoát nước và suối Đồi	323,75 m ³	Thường xuyên
III	GIAI ĐOẠN 3		
1	Lắp đặt cống thoát nước	6 m	Sau khi kết thúc khai thác
2	Lắp đặt cống hộp	50 m	Sau khi kết thúc khai thác
3	Củng cố lại hàng rào và biển báo	10% khối lượng đã thực hiện	Hàng năm

2

3	Trồng cỏ mái taluy	31.966 m ²	Sau khi kết thúc khai thác
4	Duy tu đường giao thông	4.500 m ³	Sau khi kết thúc khai thác
5	San lấp lại diện tích hồ lắng nước	705,8 m ³	Sau khi kết thúc khai thác
6	Trồng cây lên toàn bộ hồ lắng nước	37 cây	Sau khi kết thúc khai thác
7	Đo vẽ địa hình khi kết thúc	19,82 ha	Sau khi kết thúc khai thác

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1099/QĐ-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2018: 2.406.786.366 đồng; Công ty đã ký quỹ 886.268.029 đồng nên số tiền ký quỹ Công ty phải thực hiện sau khi phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là 1.520.518.337 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá), thực hiện ký quỹ 15 lần.

- Đến năm 2024, Công ty đã thực hiện 07 lần (trong tổng số 15 lần) ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là: 1.758.698.181 đồng (bao gồm số tiền đã ký quỹ 886.268.029 đồng); số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 1.574.254.911 đồng.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 695.094.096 đồng.

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 8 lần.

- Số tiền ký quỹ mỗi lần từ lần thứ 8 tới lần thứ 15 chưa bao gồm yếu tố trượt giá của các năm tiếp theo là: 86.886.762 đồng.

- Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Tiếp tục thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai theo đúng quy định cho phần diện tích còn lại là 1,04045 ha để đáp ứng quy mô diện tích đất khai thác theo Giấy phép khai thác số 104/GP-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh là 19,82 ha.

- Thực hiện các nội dung cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

4. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sụt lở đất các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác, tổ chức theo dõi giám sát thường xuyên khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng trên thì phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, cải tạo, gia cố tuyến bờ bao và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của cơ sở.

7. Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

8. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

9. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

11. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai./.